TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C L** **TỈNH K H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C L – TỈNH K H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vi
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đức Trung
  2/ Bà Mai Thị Thu Trang
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C L
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 06/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 28/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: 487/19 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Tr – Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn Vĩnh Trung, xã Cam An Nam, huyện C L, tỉnh K H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà H và ông Tr tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016, ngày 04/02/2016.

Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa bà H và ông Tr không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hợp nhau, tình hình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không còn khả năng hàn gắn. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông Tr nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Linh C – sinh ngày 14/8/2016 và Nguyễn Đỗ Quỳnh C – sinh ngày 08/12/2019. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Bà H không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 05/12/2021 tại Công an xã Cam An Nam, ông Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Vĩnh Trung, xã Cam An Nam, huyện C L và hiện nay đang sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh K H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Tr; về con chung: giao hai con chung là cháu Nguyễn Đỗ Linh C – sinh ngày 14/8/2016 và Nguyễn Đỗ Quỳnh C – sinh ngày 08/12/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Nguyễn Minh Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 08/11/2021, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh Tr hiện nay đang sinh sống tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Bà Đỗ Thị Thu H và ông Nguyễn Minh Tr tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016, ngày 04/02/2016; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không thực sự hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

[4] Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Tr không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Tr.

[5] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Tr có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Linh C – sinh ngày 14/8/2016 và Nguyễn Đỗ Quỳnh C – sinh ngày 08/12/2019. Hiện nay hai cháu Linh Chi và Quỳnh Chi đang sống với bà H, cuộc sống đã ổn định. Quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Bà H không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Minh Tr không đến Tòa làm việc nên không thể hiện ý kiến đồng ý hay phản đối trước yêu cầu của bà H nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà H là có căn cứ hợp lý, phù hợp với thực tế, quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Tr.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Nguyễn Đỗ Linh C – sinh ngày 14/8/2016 và Nguyễn Đỗ Quỳnh C – sinh ngày 08/12/2019 cho bà Đỗ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Bà Đỗ Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008880 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh K H;
- VKSND tỉnh K H;
- VKSND huyện C L;
- Chi cục THADS huyện C L;
- UBND phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (GCNKH số 11/2016 ngày 04/02/2016);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**